TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-12-2025
Về việc "Ly hôn, quyền trực tiếp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Võ Sỹ Đàn
Ông Ngô Đăng Ký

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Đức Vinh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2025/HNGĐ-ST ngày 13/10/2025 về việc "Ly hôn, quyền trực tiếp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025, quyết định hoãn phiên toà số 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Kim A, sinh ngày: 22/4/2003, nơi thường trú: Thôn N, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh, số CCCD: 042303008295.

- Bị đơn: Anh Phan Văn Đ, sinh ngày: 06/6/1999, nơi thường trú: Thôn N, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Đài Loan, CCCD: 042099007607.

- Người tham gia tố tụng khác: Ông Phan Văn L, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà, có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai của nguyên đơn, ghi nhận ý kiến của bị đơn, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, vụ án có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tự do tìm hiểu, trên cơ sở tình yêu và tự nguyện, ngày 08/11/2021, chị Đỗ Kim A và anh Phan Văn Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ), tỉnh Hà Tĩnh, theo Sổ

đăng ký 37/2021. Gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc tại thôn N, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh và có 01 con chung. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong quá trình sống chung do bất đồng quan điểm, lối sống. Năm 2022, 2023 anh Đ và chị A lần lượt đi lao động tại Đài Loan. Từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không còn liên lạc và ly thân. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tin tưởng, không có tiếng nói chung để xây dựng gia đình hạnh phúc. Đến nay, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Đỗ Kim A khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Phan Văn Đ.

Về con chung: Chị Đỗ Kim A và anh Phan Văn Đ có 01 (một) con chung là Phan Thị Ngọc D, sinh ngày: 29/5/2021. Vợ chồng tự thoả thuận về quyền nuôi con trực tiếp, cụ thể: Giao con chung Phan Thị Ngọc D cho anh Phan Văn Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh Đ đang lao động ở nước ngoài, tạm giao con cho cha, mẹ đẻ anh Đ là ông Phan Văn L, bà Lê Thị L1, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bằng hình thức gọi điện thoại ghi hình có âm thanh kết nối trên facebook bị đơn – anh Phan Văn Đ trình bày: Thống nhất với về thời gian, địa điểm kết hôn, thời điểm, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng vợ chồng hiện nay như nội dung đơn khởi kiện của chị Đỗ Kim A. Anh Đ khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị A. Về con chung: Anh Đ thống nhất thoả thuận sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Thị Ngọc D đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh Đ đang lao động ở nước ngoài, tạm giao cháu Phan Thị Ngọc D cho cha, mẹ đẻ là ông Phan Văn L, bà Lê Thị L1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung. Anh Đ lao động tự do nên không cung cấp được địa chỉ tại Đài Loan, đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt và ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ cho ông Phan Văn L.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, ghi nhận nội dung sự việc do người tham gia tố tụng khác – ông Phan Văn L cung cấp: Anh Phan Văn Đ là con trai của ông, hiện đang lao động tại Đài Loan, ông không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ nên không cung cấp được cho Toà án. Tuy nhiên, anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về nhà qua điện thoại và ông đã thông báo cho anh Đ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án. Về mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ, chị A ông không biết nguyên nhân cụ thể. Hiện nay cháu Phan Thị Ngọc D đang sinh sống cùng ông bà và ông bà chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu D trong thời gian anh Đ không có mặt tại địa phương. Ông L đồng ý nhận ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ, cam đoan thông tin đầy đủ cho anh Đ.

Tại công văn số 47/BC-CAX, ngày 05/12/2025 về việc cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ Công an xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh có nội dung: Anh Phan Văn Đ hiện đăng

ký thường trú tại thôn N, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh nhưng vắng mặt vì đang đi lao động ở nước ngoài (Đài Loan), không cung cấp được địa chỉ cụ thể.

Biên bản xác minh ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Toà án tại Ủy ban nhân dân xã Đ thể hiện: Chị Đỗ Kim A và anh Phan Văn Đ đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C (nay là UBND xã Đ), tỉnh Hà Tĩnh. Về mâu thuẫn vợ chồng và nguyên nhân chính quyền không nắm bắt được thông tin cũng như chưa hoà giải tranh chấp hôn nhân gia đình lần nào. Về yêu cầu của nguyên đơn, Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ việc, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 2 Điều 464, khoản 1 Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Kim A. Tuyên xử chị Đỗ Kim A và anh Phan Văn Đ ly hôn. Đề nghị giao con chung Phan Thị Ngọc D cho anh Phan Văn Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh Đ đang lao động ở nước ngoài, tạm giao con chung cho bố mẹ đẻ anh Đ là ông Phan Văn L, bà Lê Thị L1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại Công văn số 1519/QLXC-Đ1 ngày 04/11/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh H cung cấp thông tin: Bị đơn – chị Hồ Thị L2 xuất cảnh lần gần đây nhất vào ngày 18/10/2022 qua Sân bay Quốc tế N, chưa có thông tin nhập cảnh trên hệ thống. Xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh thể hiện anh Phan Văn Đ đăng ký thường trú tại thôn N, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại khoản 14 Điều 3; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để xác minh về địa chỉ, quan điểm của bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài. Anh Phan Văn Đ không đến Toà án làm việc cũng như không gửi văn bản, tài liệu nhưng

thông qua người thân thích trình bày ý kiến về nội dung yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, ghi nhận ý kiến của bị đơn, thông báo thời gian tố tụng thông qua người thân thích hiện đang sinh sống tại Việt Nam đồng thời thông báo 03 (ba) số liên tiếp trên kênh V của Đ tiếng nói Việt Nam để bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt (nguyên đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn trình bày ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt). Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn Đ, chị Đỗ Kim A tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 08/11/2021 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ), tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh Phan Văn Đ và chị Đỗ Kim A là hợp pháp.

[2.2] Xác định tình trạng hôn nhân: Anh Phan Văn Đ, chị Đỗ Kim A phát sinh mâu thuẫn trong quá trình sống chung, trở nên trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2022 khi anh Đ đi lao động ở nước ngoài. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống xa nhau không có thời gian hàn gắn mâu thuẫn, tình cảm phai nhạt dần, không còn sự quan tâm, chăm sóc. Anh Đ, chị A không mong muốn đoàn tụ và yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn.

[2.3] Pháp luật về Hôn nhân và gia đình Việt Nam có chính sách và biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ… nhưng hôn nhân của anh Phan Văn Đ, chị Đỗ Kim A không còn hướng tới xây dựng gia đình hạnh phúc.

[2.4] Tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và Gia đình quy định: *" Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được là thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Không có tình nghĩa vợ chồng, ví dụ: vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng".*

[2.5] Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51*); *"Ly hôn theo yêu cầu của một bên: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* (khoản 1 Điều 56).

[2.6] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa anh Phan Văn Đ, chị Đỗ Kim A không còn. Vợ chồng sống ly thân, không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Kim A như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho anh Phan Văn Đ, chị Đỗ Kim A ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.7] Quan hệ con chung: Anh Phan Văn Đ, chị Đỗ Kim A có 01 (một) con chung là Phan Thị Ngọc D, sinh ngày: 29/5/2021. Thấy rằng, cháu Phan Thị Ngọc D sống cùng anh Đ và ông bà nội từ nhỏ; con phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, được học tập, vui chơi đầy đủ; cháu D có văn bản thể hiện nguyện vọng được ở cùng với anh Đ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về môi trường sống, học tập của con chung, ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự giao con chung Phan Thị Ngọc D cho anh Phan Văn Đ trực tiếp thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng pháp luật. Trong thời gian anh Đ đang lao động ở nước ngoài, tạm giao con Phan Thị Ngọc D cho cha, mẹ đẻ anh Đ là ông Phan Văn L, bà Lê Thị L1, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh chăm sóc, nuôi dưỡng. Trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới.

[2.8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[2.9] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Kim A phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, các Điều 235, 238, 266, điểm b khoản 2 Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; các Điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83,123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Kim A, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Kim A, sinh ngày: 22/4/2003, nơi thường trú: Thôn N, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh, số CCCD: 042303008295 và anh Phan Văn Đ, sinh

ngày: 06/6/1999, nơi thường trú: Thôn N, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh, hiện đang lao động tại Đài Loan, CCCD: 042099007607: Ly hôn.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự, giao con chung Phan Thị Ngọc D, sinh ngày: 29/5/2021 cho anh Phan Văn Đ trực tiếp thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh Đ đang lao động ở nước ngoài, tạm giao con Phan Thị Ngọc D cho cha, mẹ đẻ anh Đ là ông Phan Văn L, bà Lê Thị L1, địa chỉ: Thôn N, xã Đ, tỉnh Hà Tĩnh chăm sóc, nuôi dưỡng. Trừ trường hợp phát sinh sự kiện pháp lý mới.

Chị Đỗ Kim A có quyền đi lại thăm non con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 7, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và mục A danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Đỗ Kim A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0000232 ngày 13/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 273, khoản 1, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự: Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND KV3- Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng THADS khu vực 3 – Hà Tĩnh;
- UBND xã Đồng Lộc;
- Công an xã Đồng Lộc;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nữ Ngọc Diệp